

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1015/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020.

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 707/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Mộng K, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 47C, Đường số 437, ấp P, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Hà Duy L, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 17/3A, đường T, Tổ 16, ấp P, xã Đ, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Võ Mộng K trình bày:

Tôi và ông Hà Duy L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2009 tại UBND xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do tính tình không hợp nhau. Tháng 8/2015 vì không muốn tiếp tục chịu áp lực nên Tôi đưa con về ngoại sống cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên Tôi xin ly hôn dứt khoát với ông L.

Về con chung có 02 trẻ: tên Hà Duy L1, sinh ngày: 18/9/2008 và tên Hà Ngọc L2, sinh ngày: 10/7/2011. Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ L2, Tôi đồng ý giao trẻ L1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Tôi tự nguyện chịu.

* Bị đơn ông Hà Duy L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Võ Mộng K và ông Hà Duy L là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Hà Duy L hiện cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Hà Duy L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hà Duy L vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hà Duy L theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Mộng K và ông Hà Duy L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyền số: 01/2009 ngày 20/3/2009.

Bà K nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau,

thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng và không thể chấp nhận cũng như không cứu vãn được nữa. Bà nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, bà không còn tình cảm với ông L.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông Hà Duy L không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với Bà K. Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần bằng cách tổng đạt cho ông Hà Duy L biết sự việc trên nhưng ông L vẫn không đến Tòa án, không có bất cứ tác động nào cho thấy ông L muốn hàn gắn quan hệ gia đình với Bà K nên Hội đồng xét xử xét thấy Bà K xin ly hôn với ông L là yêu cầu chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà K đối với ông L.

[4] Về con chung có 02 trẻ tên: Hà Duy L1, sinh ngày: 18/9/2008 và Hà Ngọc L2, sinh ngày: 10/7/2011. Bà K yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ L2 và Bà K đồng ý giao trẻ L1 cho ông L nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy Bà K đang trực tiếp chăm sóc và sống ổn định với con chung là trẻ L2, đồng thời tại bản tự khai ngày 11/8/2020, trẻ L2 có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn ông L đang trực tiếp chăm sóc và sống ổn định với con chung là trẻ L1, đồng thời tại bản tự khai ngày 11/8/2020, trẻ L1 có nguyện vọng được ở với cha. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên giao trẻ L2 cho Bà K trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ L1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông L và Bà K cho đến khi ông L và Bà K có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà K tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Mộng K là được ly hôn với ông Hà Duy L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số: 01/2009 ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hà Duy L và bà Võ Mộng K không còn giá trị pháp lý.

3. Về con chung có 02 trẻ tên: Hà Duy L1, sinh ngày: 18/9/2008 và Hà Ngọc L2, sinh ngày: 10/7/2011.

Giao cho bà Võ Mộng K trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Duy L2, sinh ngày 10/7/2011. Giao cho ông Hà Duy L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Duy L1, sinh ngày 18/9/2008. Ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Võ Mộng K phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0084197 ngày 06/7/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà K đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc